

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong biên độ hẹp, đóng cửa tại mức 1,782.56 điểm, giảm 8.87 điểm so với đóng cửa phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 nhóm ngành giảm điểm. Trong đó, ngành Hóa chất và ngành Công nghệ Thông tin đóng góp nhiều nhất vào sự giảm điểm. Ở chiều ngược lại, nhóm Bất động sản với chủ đạo là các cổ phiếu thuộc họ nhà Vin thúc đẩy thị trường tăng điểm. Liên quan đến giao dịch của khối ngoại, khối này bán ròng trên hai sàn HSX và UPCOM, trong khi mua ròng trên HNX. Chỉ số được nén lại trong biên độ hẹp, các nhà đầu tư thận trọng trong giao dịch.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các hợp đồng tương lai đều giảm theo nhịp điều chỉnh của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 05/02/2026, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-8.87** điểm, đóng cửa tại **1782.56** điểm. HNX-Index **-2.91** điểm, đóng cửa tại **263.04** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+15.07)**, **VHM (+5.93)**, **TCB (+0.46)**, **BSR (+0.38)**, **VRE (+0.27)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-4.15)**, **BID (-2.19)**, **GAS (-1.90)**, **CTG (-1.63)**, **GVR (-1.40)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **24,335** tỷ đồng, giảm **-21.96%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 26,130 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.92 điểm. Thị trường có **84** mã tăng, 40 mã tham chiếu, **254** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1256.92** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-821.48 tỷ)**, **VCB (-190.54 tỷ)**, **VHM (-120.01 tỷ)**, **ACB (-103.57 tỷ)**, **CTG (-91.05 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **50.42** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.48%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+6.90%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+1.46%) [\(Link báo cáo\)](#)
TCB (+0.87%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-1.74%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+6.99%) [\(Link báo cáo\)](#)
VRE (+1.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
TNG (+1.33%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.48%	-1.74%	-0.50%	-0.95%
1 tuần	-0.003%	3.49%	-1.79%	-2.46%
1 tháng	6.60%	3.95%	-1.86%	-4.22%
3 tháng	11.18%	2.53%	11.47%	7.92%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,782.56	263.04	128.59
% 1D	-0.50%	-1.09%	-0.53%
GTKL (tỷ VND)	24,335	1,721	808
%1D	-21.96%	-18.03%	-29.17%
GDNN (tỷ VND)	-1256.92	50.42	-10.98

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	180.35	FPT	-821.48
MBB	81.66	VCB	-190.54
PVD	70.29	VHM	-120.01
HPG	58.26	ACB	-103.57
GAS	51.54	CTG	-91.05

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

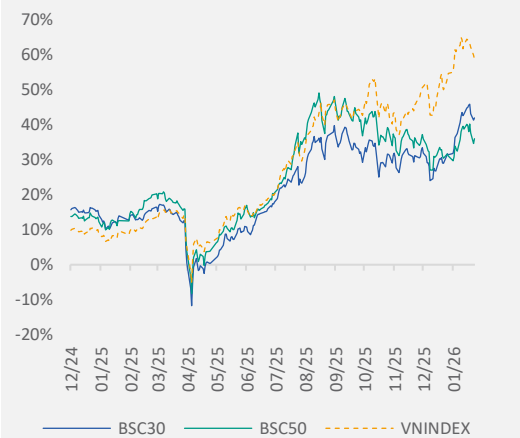
		%D	%W
SPX	6,883	-0.51%	-1.37%
FTSE100	10,350	-0.51%	1.75%
Eurostoxx	5,956	-0.54%	0.59%
Shanghai	4,076	-0.64%	-1.97%
Nikkei	53,818	-0.88%	0.97%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	68.24	-1.76%
Giá vàng	4,879	-3.27%
Tỷ giá		
USD/VND	26,150	-0.11%
EUR/VND	31,397	-0.34%
JPY/VND	169	-1.17%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	
LS LNH 1M	9.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	130.10	6.99%	15.07	7.73
VHM	97.60	6.90%	5.93	4.11
TCB	34.85	0.87%	0.46	7.09
BSR	24.40	1.46%	0.38	5.01
VRE	28.80	1.95%	0.27	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTI	33.40	9.51%	0.22	0.12
VIT	23.80	8.68%	0.06	0.05
NFC	63.00	9.95%	0.06	0.02
LAS	17.50	3.55%	0.04	0.11
HTC	42.00	9.95%	0.04	0.02

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	130.10	6.99%	15.03	11.28
TN1	18.55	6.92%	0.02	0.02
VHM	97.60	6.90%	5.93	9.75
BFC	52.80	6.88%	0.04	0.80
SVI	37.90	6.76%	0.01	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HTC	42.00	9.95%	0.26	0.00
NFC	63.00	9.95%	0.37	0.00
HDA	6.70	9.84%	0.07	0.23
DNC	55.90	9.82%	0.21	0.00
PTI	33.40	9.51%	1.46	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	68.40	-3.39%	-4.15	8.36
BID	51.50	-2.83%	-2.19	7.02
GAS	112.00	-3.28%	-1.90	2.41
CTG	38.60	-2.53%	-1.63	7.77
GVR	40.00	-4.08%	-1.40	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	188.10	-8.51%	-1.81	0.20
KSF	84.50	-1.05%	-0.45	0.90
IDC	48.00	-4.38%	-0.45	0.38
HUT	16.80	-4.00%	-0.41	1.07
PVI	92.80	-2.73%	-0.34	0.23

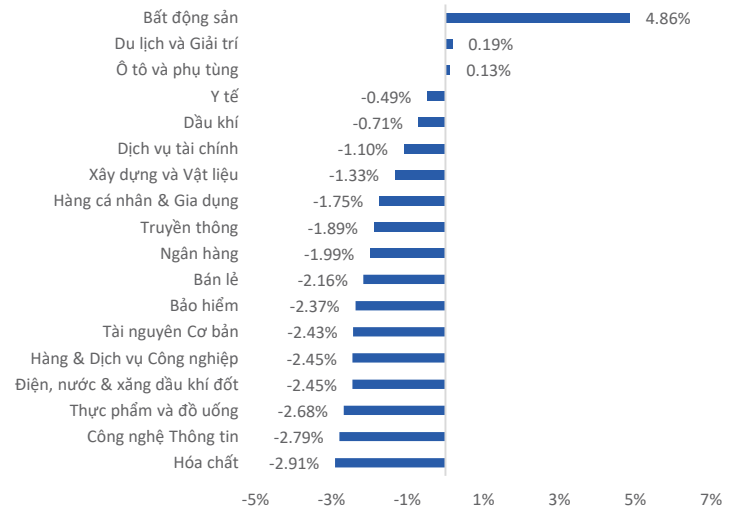
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PET	34.40	-6.90%	-0.05	3.24
VHC	63.50	-6.89%	-0.21	4.19
TNC	29.80	-6.88%	-0.01	0.00
PHR	63.10	-5.82%	-0.11	1.27
SGN	57.00	-5.79%	-0.02	0.02

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

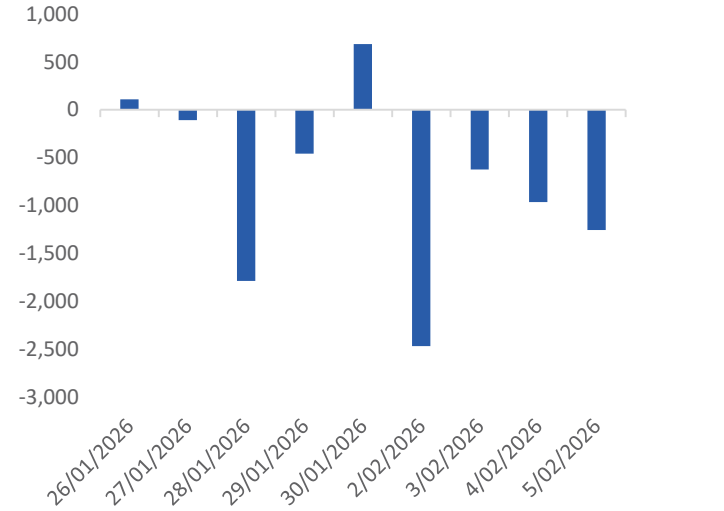
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VMS	50.20	-9.87%	-0.17	0.00
LBE	29.50	-9.79%	-0.03	0.01
CTT	17.90	-9.60%	-0.03	0.00
NBW	32.60	-9.44%	-0.13	0.00
KSV	188.10	-8.51%	-12.17	0.10

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	90.2	-1.7%	1.2	132,455	980.3	4,777	18.9	106,000	47.3%	Link
KBC	Bất động sản	36.0	-3.1%	1.1	33,903	207.2	2,500	14.4	46,000	11.2%	Link
KDH	Bất động sản	26.6	-0.9%	1.1	29,851	89.0	943	28.2	39,900	27.1%	Link
PDR	Bất động sản	17.5	-1.7%	1.4	17,412	135.6	531	32.9	28,200	6.6%	Link
VHM	Bất động sản	97.6	6.9%	1.5	400,883	935.1	10,008	9.8	119,600	8.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	99.0	-2.9%	0.8	168,647	1806.6	5,511	18.0	118,700	40.0%	Link
BSR	Dầu khí	24.4	1.5%	0.0	122,178	606.8	1,036		23,200	1.5%	Link
PVS	Dầu khí	45.6	-2.4%	1.3	23,321	419.2	3,560	12.8	42,800	15.6%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.2	-2.3%	1.1	25,001	177.7	1,454	15.9		33.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	31.0	-1.7%	1.1	77,224	477.5	2,034	15.2		32.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	36.1	-1.8%	0.9	30,689	279.4	1,849	19.5		17.3%	Link
DCM	Hóa chất	38.6	0.8%	1.1	20,435	274.6	3,618	10.7	47,300	4.0%	Link
DGC	Hóa chất	67.7	-1.5%	1.1	25,711	127.7	7,965	8.5	109,300	5.6%	Link
ACB	Ngân hàng	23.5	-0.6%	0.8	120,455	330.7	3,042	7.7	28,400	28.0%	Link
CTG	Ngân hàng	38.6	-2.5%	1.0	299,804	638.6	4,454	8.7	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	27.6	0.0%	1.1	137,895	471.5	3,432	8.0	34,400	22.9%	Link
MBB	Ngân hàng	27.1	-2.7%	1.0	217,888	707.3	3,325	8.1	29,300	22.0%	Link
MSB	Ngân hàng	12.1	-0.8%	1.0	37,752	54.9	1,804	6.7	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	62.3	-2.4%	0.9	117,449	691.6	3,150	19.8		14.4%	Link
TCB	Ngân hàng	34.9	0.9%	1.0	246,955	458.5	3,577	9.7	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.1	-1.7%	1.1	47,436	113.8	2,660	6.4	-	24.8%	Link
VCB	Ngân hàng	68.4	-3.4%	0.8	571,528	812.0	4,210	16.3	73,200	21.1%	Link
VIB	Ngân hàng	17.2	-1.4%	0.8	58,379	66.4	2,143	8.0	23,000	4.9%	Link
VPB	Ngân hàng	27.4	-1.3%	1.1	217,390	277.0	3,024	9.1	36,500	25.0%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.6	-2.7%	0.9	211,459	917.7	2,013	13.7	33,170	20.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	-2.1%	1.0	10,029	31.6	1,012	16.0	19,800	4.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	28.4	-2.1%	1.0	10,930	276.9	3,915	7.3	28,800	2.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	79.4	-4.0%	1.0	114,806	844.6	2,710	29.3	98,300	23.1%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	69.1	-4.0%	0.6	144,416	567.7	4,503	15.4	64,500	50.2%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	53.5	-4.46%	1.1	11,833	273.9	2,494	21.5	22.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	170.0	-2.80%	0.9	28,951	148.4	4,667	36.4	32.7%	26.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	79.5	-3.05%	1.1	59,015	78.5	3,996	19.9	27.0%	12.6%	Link
DIG	Bất động sản	15.9	-2.45%	1.2	12,663	156.7	990	16.1	2.7%	7.3%	Link
DXG	Bất động sản	15.1	-2.27%	1.1	16,741	137.1	229	65.9	22.2%	1.9%	Link
HDC	Bất động sản	22.1	0.68%	1.1	4,405	123.5	2,559	8.6	1.6%	24.9%	Link
HDG	Bất động sản	27.1	-1.28%	1.2	10,026	42.1	1,907	14.2	19.4%	10.9%	Link
IDC	Bất động sản	48.0	-4.38%	1.4	18,216	250.1	5,090	9.4	13.7%	32.0%	Link
NLG	Bất động sản	28.6	0.00%	1.1	13,874	48.9	1,805	15.9	42.3%	6.3%	Link
SIP	Bất động sản	62.5	-2.34%	0.9	15,132	64.7	5,601	11.2	2.8%	28.5%	Link
SZC	Bất động sản	36.9	0.14%	0.8	6,641	94.7	1,917	19.2	4.2%	10.9%	Link
TCH	Bất động sản	15.4	0.00%	1.3	14,046	66.2	416	37.1	10.0%	3.0%	Link
VIC	Bất động sản	130.1	6.99%	1.6	1,002,555	1411.5	1,739	74.8	2.9%	9.4%	Link
VRE	Bất động sản	28.8	1.95%	1.3	65,443	395.3	2,837	10.2	12.1%	14.3%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.6	-3.78%	1.0	8,291	23.6	1,700	21.0	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	57.4	-4.33%	0.8	72,932	422.8	2,122	27.1	15.1%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	33.6	0.15%	0.8	18,650	448.0	1,866	18.0	11.6%	6.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.6	-1.81%	1.1	11,296	21.4	1,161	28.1	24.9%	9.3%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	26.6	-1.48%	1.7	17,750	77.7	1,886	14.1	0.6%	15.2%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	112.0	-3.28%	0.9	270,250	291.2	4,730	23.7	2.3%	18.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.2	-1.73%	1.0	43,563	238.4	838	17.0	5.0%	7.1%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.1	-0.80%	0.7	33,637	26.1	4,668	13.3	49.0%	12.7%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	166.5	0.91%	0.7	98,503	383.1	3,728	44.7	6.7%	10.1%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	36.5	-1.62%	1.1	32,938	201.5	1,635	22.3	8.5%	9.3%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	71.1	-3.00%	0.9	30,324	137.6	3,986	17.8	38.4%	13.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.7	-2.70%	0.7	9,743	91.4	6,258	9.2	7.1%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	21.8	-3.55%	0.9	10,221	103.5	2,210	9.8	10.9%	12.7%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	110.0	-3.25%	0.8	13,396	104.6	3,325	33.1	5.7%	24.1%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	116.2	-2.92%	0.8	39,642	348.3	8,353	13.9	48.8%	23.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.4	-1.08%	0.8	3,064	47.1	2,402	11.4	48.5%	11.5%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	22.9	1.33%	1.4	2,948	105.5	3,163	7.2	17.6%	20.1%	Link
DPM	Hóa chất	25.0	0.00%	1.0	16,998	265.1	1,579	15.8	3.9%	9.6%	Link
GVR	Hóa chất	40.0	-4.08%	1.2	160,000	251.5	1,406	28.4	0.7%	10.3%	Link
EIB	Ngân hàng	21.0	-2.10%	1.2	39,117	157.0	610	34.4	3.0%	4.5%	Link
LPB	Ngân hàng	41.0	-2.84%	0.4	122,479	55.6	3,824	10.7	0.8%	25.2%	Link
NAB	Ngân hàng	14.1	0.00%	0.5	24,191	23.0	2,438	5.8	1.6%	19.6%	Link
OCB	Ngân hàng	11.7	-0.43%	0.9	31,158	13.1	1,513	7.7	19.7%	12.3%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.3	-1.61%	1.0	6,848	50.0	461	33.2	5.2%	2.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.0	-4.11%	1.1	7,455	60.6	3,754	7.5	3.5%	31.6%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	37.7	0.00%	0.6	11,446	130.3	341	110.4	4.4%	2.8%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	50.1	-3.09%	0.8	64,256	88.2	3,449	14.5	58.3%	19.9%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	63.5	-6.89%	0.9	14,253	272.6	6,073	10.5	21.1%		Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	156.6	-0.57%	0.4	12,819	20.0	15,010	10.4	84.2%	44.1%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	83.8	-2.56%	1.0	8,925	65.3	7,388	11.3	49.0%	8.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	94.8	-4.24%	1.0	10,844	131.0	5,244	18.1	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.7	-2.40%	1.0	4,506	23.3	3,241	13.8	10.6%	15.6%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	-0.80%	1.1	6,785	43.8	1,205	10.3	10.4%	5.9%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	25.7	-1.91%	0.8	10,549	125.1	2,553	10.1	14.3%	17.4%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	18.9	-1.56%	1.1	12,218	88.7	6,084	3.1	3.1%	39.8%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	56.9	-1.73%	1.2	25,511	140.8	3,130	18.2	2.9%	16.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Click
2	Equity 360 BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Click
3	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
4	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
5	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
6	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
7	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
9	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
15	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
16	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
17	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
18	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
19	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>